

2023 CHAU-SHI Series HWAN TAI Open

肇喜登峰巡迴賽-環台公開賽

第二回合編組表

Round 2 Grouping



地點：台中國際高爾夫俱樂部

TAICHUNG INTERNATIONAL COUNTRY CLUB

上午場 Morning Session

112年8月30日(星期三)

第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-	第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee					組別 Group	時間 Time	梯台 Tee				
1	6:40	1	許立朋	TWN	79	7	12	6:40	10	翁永田	TWN	75	3
			張宇誠	TWN	75	3				林澄洋	TWN	72	E
			張庭嘉	TWN	83	11				潘福強	TWN	81	9
2	6:50	1	李士鴻	TWN	69	-3	13	6:50	10	張耀濱	TWN	73	1
			何易叡	TWN	82	10				林緯	TWN	77	5
			Zanieboy Gialon	PHI	74	2				張奇偉	TWN	76	4
3	7:00	1	謝錦昇	TWN	72	E	14	7:00	10	張哲瑜	TWN	70	-2
			許智傑	TWN	77	5				謝旻軒	TWN	75	3
			Leandro Bagtas	PHI	80	8				張建棋	TWN	75	3
4	7:10	1	蔣宸巒	TWN	68	-4	15	7:10	10	劉永華	TWN	68	-4
			林張恆	TWN	73	1				曾子軒	TWN	74	2
			Ruperto Zaragosa III	PHI	69	-3				林為超	TWN	75	3
5	7:20	1	陳暉泓	TWN	78	6	16	7:20	10	王宥崴	TWN	80	8
			黃韋豪	TWN	73	1				李謹州	TWN	76	4
			黃頌	TWN	66	-6				林永龍	TWN	75	3
6	7:30	1	陳志忠	TWN	77	5	17	7:30	10	汪德昌	TWN	67	-5
			施俊宇	TWN	79	7				楊浚頡	TWN	76	4
			林遠惟	TWN	72	E				黃冠勳	TWN	69	-3
7	7:40	1	王士瑞	TWN	75	3	18	7:40	10	呂偉智	TWN	69	-3
			賴韋綸	TWN	74	2				何勁宏	TWN	72	E
			陳傑生	TWN	75	3				沙比亞特·馬克	TWN	70	-2
8	7:50	1	葉彰廷	TWN	77	5	19	7:50	10	葉昱辰	TWN	72	E
			葉偉志	TWN	75	3				鄭存宸	TWN	72	E
			許智凱	TWN	73	1				賴嘉一	TWN	72	E
9	8:00	1	何祐誠	TWN	67	-5	20	8:00	10	洪健堯	TWN	75	3
			陳宥蓁	TWN	78	6				陳志宏	TWN	74	2
			蔡勁暘 A	TWN	83	11				林紹白 A	TWN	88	16
10	8:10	1	呂孫儀	TWN	68	-4	21	8:10	10	詹世昌	TWN	70	-2
			蔡啟煌	TWN	74	2				王偉軒	TWN	65	-7
			林建雄 A	TWN	90	18				蔡凱任	TWN	75	3
11	8:20	1	周宏男	TWN	86	14	22	8:20	10	李玠柏	TWN	70	-2
			詹頂立	TWN	77	5				張緯綸	TWN	71	-1
			洪家煜	TWN	79	7				王偉祥	TWN	76	4

2023 CHAU-SHI Series HWAN TAI Open

肇喜登峰巡迴賽-環台公開賽

第二回合編組表

Round 2 Grouping



地點：台中國際高爾夫俱樂部

TAICHUNG INTERNATIONAL COUNTRY CLUB

下午場 Afternoon Session

112 年 8 月 30 日 (星期三)

第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-	第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee					組別 Group	時間 Time	梯台 Tee				
23	11:20	1	丁子軒	TWN	68	-4	34	11:20	10	李卓全	TWN	73	1
			林宸駒	TWN	70	-2				洪瑞誠	TWN	66	-6
			許育誠	TWN	71	-1				林義淵	TWN	69	-3
24	11:30	1	許孟男	TWN	74	2	35	11:30	10	林晟毓	TWN	75	3
			楊 豪	TWN	76	4				蔡顯至	TWN	76	4
			瀨下 裕太 A	JPN	85	13				卓宗霖	TWN	72	E
25	11:40	1	曾宏勝	TWN	73	1	36	11:40	10	溫楨祥	TWN	75	3
			林大鎬	TWN	74	2				柯志達	TWN	77	5
			余政諺	TWN	74	2				王璽安	TWN	76	4
26	11:50	1	高 藤	TWN	67	-5	37	11:50	10	葉 甫	TWN	70	-2
			林耕緯	TWN	73	1				詹佳翰	TWN	72	E
			劉又睿	TWN	69	-3				林上予 A	TWN	79	7
27	12:00	1	林文堂	TWN	69	-3	38	12:00	10	洪昭鑫	TWN	68	-4
			廖煥鈞	TWN	65	-7				邱瀚霆	TWN	68	-4
			曾豐棟	TWN	76	4							
28	12:10	1	劉巖鴻	TWN	64	-8	39	12:10	10	范姜皓詮	TWN	71	-1
			陳裔東	TWN	67	-5				范揚嘉	TWN	77	5
			劉澤森	TWN	74	2				林薪祐 A	TWN	74	2
29	12:20	1	黃議增	TWN	67	-5	40	12:20	10	蔡雨達	TWN	68	-4
			謝繼賢	TWN	73	1				蔡宗佑	TWN	75	3
			林冠伯	TWN	74	2				黃仁杰 A	TWN	80	8
30	12:30	1	宋孟璋	TWN	68	-4	41	12:30	10	呂文德52	TWN	73	1
			鄭岱霖	TWN	74	2				徐國雄	TWN	72	E
			辜柏雲	TWN	77	5				連驪森	TWN	71	-1
31	12:40	1	謝東宏	TWN	72	E	42	12:40	10	蔡辰錯	TWN	73	1
			伴 翔太郎	USA	72	E				王子銘	TWN	77	5
			鄭念宗 A	TWN	78	6				徐兆維 A	TWN	74	2
32	12:50	1	陳威勝	TWN	72	E	43	12:50	10	許佳紳	TWN	74	2
			陳伯豪	TWN	73	1				胡 克	TWN	81	9
			林楷傑 A	TWN	74	2				李啟宗	TWN	82	10
33	13:00	1	陳鳴悒	TWN	73	1	44	13:00	10	黃祥豪	TWN	73	1
			陳守成	TWN	73	1				江以安	TWN	81	9
			許勝傑 A	TWN	82	10				楊暄然 A	TWN	92	20